



I. Điền vào chỗ trống

1) Xác định vị trí (ô, chu kỳ, nhóm) của các nguyên tố

Cấu hình electron	Ô nguyên tố	Chu kỳ	Nhóm	Kim loại/ Phi kim
$1s^2 2s^2 2p^3$	7	2	VA	Phi kim
Gợi ý	tổng số electron	= số lớp electron	= số electron hóa trị * electron hóa trị là electron lớp ngoài cùng hoặc phân lớp sát ngoài cùng nếu phân lớp đó chưa bão hòa	Xét số electron ở lớp ngoài cùng Kim loại: thường có 1e, 2e, 3e ở LNC Phi kim: thường có 5e, 6e, 7e ở LNC khí hiếm: có 8e ở LNC
$1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^1$				
$1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^{10} 4s^1$				
$1s^2 2s^1$				
$1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6$				
$1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^5 4s^2$				
$1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^5$				

2) Viết cấu hình electron

Cấu hình electron: 1s /2s 2p /3s 3p 3d /4s

28
14 **Si**

- Ô:

- Chu kỳ:

- Nhóm:

Cấu hình electron: 1s /2s 2p /3s 3p 3d /4s

31
15 **P**

- Ô:

- Chu kỳ:

- Nhóm:

Cấu hình electron: 1s /2s 2p /3s 3p 3d /4s

48
22 **Ti**

- Ô:

- Chu kỳ:

- Nhóm:



Câu 1. Tất cả các nguyên tố thuộc chu kỳ 3 đều có

- A. 3 lớp electron
- B. 3 phân lớp electron
- C. Cùng số electron hóa trị
- D. Cùng số khối

Câu 2. Nhóm IIB bao gồm các nguyên tố mà nguyên tử của chúng có cùng

- A. Số lớp electron.
- B. Số phân lớp electron.
- C. Số electron hóa trị.
- D. Số electron vỏ nguyên tử

Câu 3. Nguyên tố X thuộc chu kỳ 4 thì

- A. X có 4 phân lớp electron
- B. X có số electron hóa trị bằng 4
- C. X có 4 lớp electron
- D. X có số electron lớp ngoài cùng bằng 4

Câu 4. Cấu hình electron nào sau đây là của kim loại:

- (1). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^2 4s^2$.
- (2). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^4$.
- (3). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^{10} 4s^2 4p^3$.
- (4). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^5 4s^1$.
- (5). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 4s^2$.
- (6). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^3$.

- A. (1), (2), (4).
- B. (1), (4), (5).
- C. (2), (3), (4).
- D. (2), (3), (6).

Câu 5. Cấu hình electron nào sau đây là của phi kim:

- (1). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^2 4s^2$.
- (2). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^4$.
- (3). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^{10} 4s^2 4p^3$.
- (4). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^5 4s^1$.
- (5). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 4s^2$.
- (6). $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^3$.

- A. (1), (2), (4).
- B. (1), (4), (5).
- C. (2), (3), (4).
- D. (2), (3), (6).

Câu 6. Nguyên tố ở ô số 19 trong bảng tuần hoàn có

- A. 19 proton.
- B. 19 electron.
- C. 19 nơtron.
- D. A, B đúng

Câu 7. Tìm câu **sai** trong các câu trả lời sau đây:

- A. Chu kỳ là dãy các nguyên tố mà nguyên tử của chúng có cùng số lớp electron, được sắp xếp theo chiều nguyên tử khối tăng dần.
- B. Bảng tuần hoàn gồm có các ô nguyên tố, các chu kỳ và các nhóm.
- C. Bảng tuần hoàn có 7 chu kỳ. Số thứ tự của chu kỳ bằng số lớp electron trong nguyên tử.
- D. Bảng tuần hoàn có 8 nhóm A và 8 nhóm B.



Câu 8. Tìm câu **sai** trong các câu trả lời sau đây:

- A. Bảng tuần hoàn gồm có các ô nguyên tố, các chu kỳ và các nhóm nguyên tố.
- B. Chu kỳ là dãy các nguyên tố mà nguyên tử của chúng có cùng số lớp electron, được sắp xếp theo chiều điện tích hạt nhân giảm dần
- C. Bảng tuần hoàn có 7 chu kỳ. Số thứ tự của chu kỳ bằng số lớp electron trong nguyên tử
- D. Bảng tuần hoàn có 8 nhóm A và 8 nhóm B.